TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/**2023/DS-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-DS ngày 22/12/2022 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tai sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố VP 1, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị N Y**, sinh năm 1983 (có mặt)

2.2. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐĐ 1, xã VP, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông **Phạm Công T** (Út M), sinh năm 1991 (có mặt)

3.2. Bà **Phan Thị T1** (Kim B), sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố VĐ 2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2022; biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2023; biên bản hòa giải ngày 16/3/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Đặng Thị D** trình bày:*

Ngày 04/11/2022 bà có cho bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H vay số tiền 220.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, thỏa thuận thời hạn 05 ngày trả gốc, lãi. Tuy nhiên, đó chỉ là thỏa thuận miệng bên ngoài, tại thời điểm giao tiền là giao 01 lần 220.000.000 đồng có vợ chồng ông Út M (không biết tên họ tên vợ chồng ông Út M) chứng kiến, giao tại nhà ông Út M, bà là người trực tiếp giao tiền và bà Y là người trực tiếp nhận, giao tại nhà sau của ông Út M, ngoài ra không có ai khác chứng kiến, chồng bà Y cũng không chứng kiến việc giao tiền, không có ký tên vào biên nhận. Trước thời điểm giao tiền cho bà Y thì bà Y, ông H có ra nhà Út M nói chuyện ở nhà trước với bà cùng ông Út M, thỏa thuận lãi xuất xong thì bà và bà Y cùng bà Út M ra nhà sau, bà mượn giấy và viết của bà Út M cho bà Y làm biên nhận xong thì bà giao tiền cho bà Y, bà Y giao biên nhận cho bà. Khi nhận tiền, bà Y có làm biên nhận do bà Y tự viết và ký tên. Từ khi vay đến nay bà Y chưa trả cho bà đồng nào mặc dù có đòi nhiều lần.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N Y phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 236.200.000 đồng, trong đó: gốc 220.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm tạm tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 16/3/2023 là 16.200.000 đồng, đồng thời yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ 17/3/2023 trên số nợ gốc còn thiếu đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022; biên bản hòa giải ngày 16/3/2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà **Nguyễn Thị N Y** trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của bà D về việc vay của bà D số tiền 220.000.000 đồng. Thừa nhận có vay của bà D 220.000.000 đồng vào ngày 04/11/2022, mục đích vay để xoay tiền hụi và tràn hụi cho các hụi viên, không sử dụng trong gia đình. Từ khi vay đến nay chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho bà D. Xác định chỉ một mình bà vay tiền của bà D, ông H không có cùng bà đi vay. Bà là người trực tiếp nhận tiền của bà D tại nhà sau của bà Út M, nhận một lần số tiền 220.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, bà có làm biên nhận cho bà D, do bà tự viết và tự ký tên đưa cho bà D cất giữ.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn bà chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc còn nợ

là 220.000.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi nào đủ số tiền gốc, không đồng ý trả lãi.

Xác định không yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ cùng, vì nợ là do bà tự vay của bà D, ông H không có vay.

Tại biên bản lấy lời khai trước đây Tòa án ghi lời trình bày của bà có trình bày là vay tiền của vợ chồng ông Út M là Phạm Công Thức và Phan Thị Kim Bằng số tiền 220.000.000 đồng và trả tiền lãi 1.000.000.000 đồng và chuyển nợ từ ông Thức, bà Bằng sang cho bà D là không đúng.

** Tại bản tự khai ngày 28/12/2022; biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023 bị đơn ông **Nguyễn Văn H** có ý kiến:* Ông hiện là chồng của bà Nguyễn Thị N Y. Ông không biết bà D và từ trước đến nay không vay tiền của bà D. Việc bà Y vay tiền của bà D là ông không biết, vay mục đích để làm gì không xác định được cũng không mang tiền về nhà sử dụng. Bản thân ông không biết chạy xe nên không có việc ông chở bà Y ra nhà ông Út M để vay tiền của bà D. Chi tiêu trong gia đình là do vợ chồng cùng chi.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà D về việc buộc ông cùng trả nợ thì ông không đồng ý, vì bà Y vay tiền từ bà D là vay cá nhân, không mang tiền về nhà sử dụng chung trong gia đình. Việc bà Y làm chủ hụi hoặc chơi hụi cũng không mang tiền về nhà sử dụng.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thị N Y, Nguyễn Văn H phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 240.000.000 đồng, trong đó: gốc 220.000.000 đồng, lãi theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 10/11/2022 đến nay là 05 tháng 17 ngày với số tiền 20.411.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu 20.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N Y đồng ý trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền vay gốc còn thiếu là 220.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H đồng ý cùng bà Nguyễn Thị N Y trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền vay gốc còn thiếu là 220.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

- Người làm chứng ông Phạm Công Thức, bà Phan Thị Tùng (Kim Bằng) không có ý kiến.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn và người tham

gia tố tụng khác là người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền 240.000.000 đồng, trong đó: gốc 220.000.000 đồng, lãi 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu; bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản* và bị đơn có nơi cư trú tại ấp ĐĐ 1, xã VP, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội D: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Đặng Thị D với bị đơn bà Nguyễn Thị N Y có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn và có lãi với nhau. Theo đó, vào ngày 04/11/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị N Y có vay của nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền 220.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, thỏa thuận thời hạn 05 ngày trả gốc, lãi và hiện bị đơn bà Nguyễn Thị N Y còn nợ nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền vay gốc gốc 220.000.000 đồng. Khi vay bị đơn bà Y viết biên nhận giao cho nguyên đơn bà D giữ. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu trách nhiệm cùng bị đơn bà Nguyễn Thị N Y trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn thiếu, không đồng ý trả lãi.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối số tiền vay gốc 220.000.000 đồng từ ngày 10/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/4/2023 theo mức lãi suất 20%/năm. Xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, nhưng, từ khi vay đến nay bị đơn bà Y không trả lãi cho nguyên đơn được đồng nào, lý do còn thiếu nợ nhiều người. Do đó, căn cứ đối chiếu theo quy định tại

Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu về lãi của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, thì số tiền lãi bà D yêu cầu được tính toán cụ thể như sau:

Thời gian từ ngày 10/11/2022 đến ngày 27/4/2023 là 05 tháng 17 ngày, làm tròn 27 tháng.

Số tiền lãi là: 20.329.000đ *(220.000.000đ x 1,66%/tháng x 05 tháng) + (17 ngày x 121.733đ/ngày)*.

Tuy nhiên, nguyên đơn bà D chỉ yêu cầu bị đơn bà Y, ông H phải trả số tiền lãi là 20.000.000 đồng, nên HĐXX chỉ xem xét chấp nhận trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền này.

Do đó, hiện nay bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền vay gốc và lãi còn thiếu đối với nguyên đơn bà Đặng Thị D là 240.000.000 đồng, trong đó: gốc 220.000.000 đồng, lãi 20.000.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải chịu **12.000.000** đồng (240.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải phải trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị D số tiền vay gốc và lãi còn thiếu là 240.000.000 đồng, trong đó: gốc 220.000.000 đồng, lãi 20.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đặng Thị D, nếu bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà D thì hàng tháng bà Y, ông H còn phải trả tiền lãi cho bà D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N Y, ông Nguyễn Văn H phải chịu **12.000.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Đặng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đặng Thị D 5.592.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002650 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã VP;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh